

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-3-2021

V/v : "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Nghĩa;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Nguyễn Ái N, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn T, sinh năm 1996 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam K, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Nguyễn Ái N trình bày: Trước khi kết hôn chị và anh Đào Văn T có thời gian tìm hiểu 01 năm, rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 18.12.2018 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn được hai ngày, thì ngày 20.12.2018 anh T bị công an tỉnh Bình Định bắt giam vì trước đó anh T cùng đồng bọn phạm tội "Giết người" và tội "Hủy hoại tài sản", hiện anh T đang chấp hành án phạt tù tại trại giam K. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa cho được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

-Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết, hiện vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ gì vợ chồng chị.

Vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 04.12.2020, bị đơn anh Đào Văn T trình bày: Anh thống nhất về thời gian tìm hiểu và kết hôn như chị N khai là đúng. Sau khi kết hôn được 03 ngày, thì anh bị công an tỉnh Bình

Định bắt giam về tội "*Giết người*" và tội "*Hủy hoại tài sản*" sau đó anh bị Tòa án xử phạt 05 năm 06 tháng tù, hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam K, việc anh phạm tội xảy ra trước khi anh quen chị N và anh cũng nói cho chị N biết là sau này anh sẽ đi tù, nhưng chị N vẫn đồng ý kết hôn với anh. Nay chị N xin ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn, vì từ khi anh chấp hành án tại trại Giam K, chị N chưa bao giờ đến thăm anh. Khi nào chị N đến gặp anh nói rõ lý do ly hôn với anh, thì anh sẽ đồng ý.

-Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

-Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết, hiện vợ chồng anh không nợ ai và không ai nợ gì vợ chồng anh.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Nguyễn Ái N được ly hôn với anh Đào Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Đào Văn T cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định; Vụ án không có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Anh T có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Hội đồng xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Trần Nguyễn Ái N và anh Đào Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào năm 2018, nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Chị N xin ly hôn với anh T, với lý do sau khi kết hôn được 02 ngày thì anh T bị bắt giam và hiện đang chấp hành án phạt tù 05 năm 06 tháng tại trại giam K. Hội đồng xét xử xét thấy là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; Cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng sau khi kết hôn chỉ được hai ngày thì anh T bị bắt giam và hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam K. Vì vậy có cơ sở xác định, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh T không đạt được. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho N được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo qui định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Nguyễn Ái N được ly hôn anh Đào Văn T.

2. Về án phí ly hôn: Chị Trần Nguyễn Ái N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, mà chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00008285 ngày 21-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Chị Trần Nguyễn Ái N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/3/2021). Anh Đào Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quý Phúc

